

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc;
- Bà Néang Sâm Bô.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khoa Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Y, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 5, khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Ông Đoàn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà Y, ông B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Trần Y trình bày:** Bà Y và ông B kết hôn với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh An Giang vào năm 2007. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống không hòa hợp ông B hay ghen tuông vô cớ, lấn mạ bà qua những dòng trạng thái trên các trang mạng xã hội, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Tòa án có hòa giải động

viên đoàn tụ, nhưng bà Y xác định không còn tình cảm với ông B nên kiên quyết yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: Đoàn Q, sinh ngày 16/5/2008 và Đoàn M, sinh ngày 03/7/2010. Sau khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn ông Đoàn B trình bày:* Ông thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân và con chung, cả hai xây dựng gia đình từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng có đôi lúc bất đồng, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng phải ly hôn với nhau, tuy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Y không còn gắn kết như lúc trước, nhưng ông mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này vì nghĩ đến các con, trách nhiệm vợ chồng đối với các con. Mong muốn bà Y cho ông có cơ hội thay đổi, sửa chữa. Ông không đồng ý ly hôn với bà Y. Do không đồng ý ly hôn, nên về con chung, về tài sản chung, nợ chung ông B không có ý kiến và cũng không yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y đối với ông B; về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Q và M cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 6, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông B chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 29 tháng 5 năm 2007 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà Y yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông B, còn ông B không đồng ý ly hôn và mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà Y để lo cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà Y và ông B đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B ghen tuông vô cớ, không có sự chia sẻ, cảm thông, gắn kết tình cảm vợ chồng khi có mâu thuẫn xảy ra cả hai không ngồi lại để tìm cách giải quyết, trái lại ông B lại có hành động thiếu tôn trọng bà Y làm cho mâu thuẫn ngày càng đẩy lên đỉnh điểm khi bà Y phải đưa ra quyết định ly hôn với ông B. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng bà Y vẫn cương quyết ly hôn. Khi phát sinh mâu thuẫn và ly thân trong thời gian dài, nhưng hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông B là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Y.

[3] Về con chung: Đoàn Q, sinh ngày 16/5/2008 và Đoàn M, sinh ngày 03/7/2010. Hai bên không có tranh chấp về con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y. Giao 02 cháu Q và M cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Ông Bào không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Y.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Y được ly hôn với ông Đoàn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 29 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Giao 02 cháu Đoàn Q, sinh ngày 16/5/2008 và Đoàn M, sinh ngày 03/7/2010 cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng việc nuôi con. Bà Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông B thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Y phải chịu 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009953 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã Lương Phi;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Sơn Thị Thúy Liễu

